

**TIẾP NHẬN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13/6/2022

“V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Huệ.
2. Ông Trần Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Ngày 13 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số thụ lý số: 210/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/4/2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị Hồng V, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ 7, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Dương Đào N, sinh năm 1982; địa chỉ Tổ 1, phường K, thị xã A, tỉnh Gia Lai. vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị Hồng V trình bày:

Tôi và anh Dương Đào N có tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào năm 2016 tại UBND phường K. Trong thời gian chung sống, thời gian đầu hạnh phúc và sinh được 01 con chung là Dương Đào B, sinh ngày 05/9/2018, nhưng thời gian gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hay tranh cãi, không hiểu tính nhau, anh N sử dụng ma túy về nhiều lần đánh đập tôi vô cớ, tôi đã cố nhẫn nhịn bỏ qua nhưng anh N vẫn không thay đổi, anh N có người phụ nữ khác. Chúng tôi không còn thương yêu, tôn trọng, lo lắng cho nhau nữa, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh N.

Về nuôi con: Chúng tôi có 01 con chung là cháu Dương Đào B, sinh ngày 05/9/2018 hiện con ở với tôi. Tôi yêu cầu trực tiếp nuôi cháu B. Tôi không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Không có và không yêu cầu Tòa giải quyết

Bị đơn anh Dương Đào N đã được Tòa án thông báo thụ lý, thông báo hòa giải và triệu tập đến phiên tòa nhưng cố tình vắng mặt không rõ lý do nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị V yêu cầu ly hôn với anh N, địa chỉ cư trú tại: Tổ 1, phường K, thị xã A, Gia Lai, theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây ghi tắt là BLTTDS), thì đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai. Bị đơn anh N được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt lần thứ 02 không lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị V và anh N có mâu thuẫn, theo chị V nguyên nhân vì anh N không có trách nhiệm với gia đình, anh N có hành vi vô cớ đánh chị, nên giữa chị V và anh N không còn thương yêu, tôn trọng, lo lắng cho nhau nữa, nên chị V yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh N.

Tòa đã tiến hành mở nhiều phiên hòa giải để anh N có điều kiện thể hiện ý kiến và nguyện vọng của mình với chị V để hàn gắn bắt đầu cùng nhau đoàn tụ, nhưng anh N vẫn vắng mặt có thái độ bất hợp tác, không có bất kỳ biện pháp nào để cải thiện sự rạn nứt trong đời sống vợ chồng và tại phiên Tòa hôm nay chị V vẫn yêu cầu được ly hôn với anh N.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị V và anh N như vậy là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chị V yêu cầu được ly hôn là có cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị V, anh N có 01 con chung là Dương Đào B, sinh ngày 05/9/2018. Hiện nay cháu còn nhỏ và ở với chị V, chị có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyện vọng được nuôi con chung của chị V là chính đáng, giao chị V nuôi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị V không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị V và anh N không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, bị đơn anh N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228 và Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83, 84, 85 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Hồng V:

1. Về hôn nhân: Cho chị Phan Thị Hồng V ly hôn với anh Dương Đào N.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Đào B, sinh ngày 05/9/2018 cho chị V tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, khi cháu B chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu lạm dụng việc thăm nom con cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011589 ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A. Chị V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay (13/6/2022) các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn trên đối với người vắng mặt tại phiên tòa được tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND TX A;
- Chi cục THADS TX A;
- UBND phường K, TX A;
- (để ghi vào sổ hộ tịch; Số ĐKKH 46/2016);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Long Sơn